

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST.

Ngày: 12.11.2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông P. L. L.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Đ. H. L;

2. Bà: N. T. T. Vn;

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà N. T. T. T – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 12.11.2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS, ngày 28 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXXST-HS ngày 02.11.2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: T.Đ.C, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02.02.1984 tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: nông; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Con ông: T. V. B, SN: 1941 và bà: N. T. T, SN: 1950; Vợ: H. T. P. T, SN: 1986, Con: 02 người, lớn nhất SN: 2009, nhỏ nhất SN: 2013; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh T. Q. K, SN: 1960;(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện A, tỉnh B.

- *Người làm chứng:* + Chị T.T.C, SN: 1974;(Có mặt)

+ Chị H.T.P.T, SN: 1986; (Có mặt)

+ Bà N.T.T, SN: 1950; (Có mặt)

+ Ông T.V.B, SN: 1941; (Vắng mặt)

Đồng địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện A, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi nhận với bạn bè, khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28.6.2021, T.Đ.C đến nhà cha ruột T.V.B ở thôn C, xã H, huyện A thăm chơi. Một lúc sau, có ông T.Q.K - ở cùng địa phương, đến nhà ông T.V.B để hỏi: Tại sao cây keo trên đất của ông T.Q.K mà gia đình ông T.V.B ngăn cản, không cho ông T.Q.K bán; T.Đ.C hỏi lại: cây keo của con trồng, sao bác bán, bác không nói với con; ông T.Q.K nói lại: đất của tao thì cây keo trên đất là của tao. Nghe vậy, T.Đ.C xông đến dùng tay trái nắm trái 02 cái vào vùng mặt bên trái của ông T.Q.K và ôm ông T.Q.K lại, tiếp tục dùng gối phải lên gối trái vào sườn bên trái của ông T.Q.K rồi cả hai ôm vật cùng ngã xuống nền sân xi măng. Thấy vậy, người nhà của T.Đ.C đến can ngăn, kéo T.Đ.C ra, ông T.Q.K đứng dậy đi về nhà. Ngày 29/6/2021, người nhà đưa ông T.Q.K đến Bệnh viện tỉnh B điều trị thương tích.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 215/2021/PY-TgT ngày 20/8/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh B, đối với T.Q.K, kết luận:

Chấn thương gây sưng đau, gián đoạn vùng cạnh ngang xương hàm dưới trái, hở miệng hạn chế, khớp cắn lệch, gãy ngành trái xương hàm dưới trái đã phẫu thuật kết hợp xương. Hiện vùng mặt không có dấu vết, hở miệng tối đa còn đau, khớp cắn khít. Tỷ lệ: 10%.

Chấn thương gây đau vùng xương sườn trái, đau khi vận động, thở mạnh, gãy xương sườn X trái đã cố định mạn sườn. Hiện vùng mạn sườn trái không có dấu vết, thở sâu đau, ấn đau tương ứng vùng xương sườn X. Tỷ lệ: 2%.

Căn cứ bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12%.

Về dân sự: Bị hại kê khai yêu cầu bồi thường các khoản (có chứng từ và không có chứng từ) tổng số tiền 48.231.944 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Bị hại yêu cầu tiếp tục được bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKS, ngày 27.10.2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo T.Đ.C về tội: “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T.Đ.C về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 điều 134 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo T.Đ.C với mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo T.Đ.C đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; xin lỗi và thống nhất bồi thường cho người bị hại theo yêu cầu số tiền còn lại 28.231.944 đồng. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn trong cuộc sống giữa hàng xóm với nhau nên khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28.6.2021, ông T.Q.K đến nhà cha của bị cáo T.Đ.C tìm đề hỏi chuyện và giữa 2 bên có lời qua tiếng lại. Lúc này, trong người có men rượu nên T.Đ.C không kiềm chế được bản thân, bất chấp pháp luật và xem thường sức khỏe của người khác đã dùng tay, chân gây thương tích cho ông T.Q.K. Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 215/2021/PY-TgT ngày 20/8/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh B thì tỷ lệ tổn thương do thương tích mà bị cáo gây ra cho ông T.Q.K là 12%. Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội: “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 134 của BLHS. Cáo trạng số 41/CT-VKSPC ngày 27.10.2021 của VKSND huyện A đã truy tố bị cáo T.Đ.C về tội danh trên theo khoản 1 Điều 134 BLHS mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị

an tại địa phương, nên cần phải xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho người khác.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo T.Đ.C phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội; Sau khi phạm tội, bị cáo đã nộp khoản tiền để bước đầu khắc phục hậu quả; đây là những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy giữa hai bên là người cùng địa phương, mâu thuẫn không lớn nhưng đã thiếu kiềm chế, cư xử không đúng mực nên đã để xảy ra hậu quả. Nay tại phiên tòa, bị cáo nhận thấy sai trái của mình, đã ăn năn hối cải. Sau khi xem xét quan hệ nhân thân của bị cáo HĐXX nhận thấy: bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính nuôi 02 con còn nhỏ ăn học. Do đó, HĐXX quyết định áp dụng Điều 65 BLHS để xét xử bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo tự tu dưỡng, rèn luyện; đồng thời cũng nhằm giảm bớt mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm tình làng nghĩa xóm giữa hai bên.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

Sau khi vụ án xảy ra, người bị hại đã đi cấp cứu, với tổng chi phí yêu cầu bồi thường 48.231.944 đồng. Tại phiên Tòa, bị cáo đã đồng ý bồi thường toàn bộ chi phí nói trên, do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 48.231.944 đồng, bị cáo đã bồi thường 20 triệu đồng sẽ được khấu trừ.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Điều 147 của BLTTDS năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo T.Đ.C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T.Đ.C **09 (Chín) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18 (Mười tám) tháng**, kể từ ngày tuyên án 12/11/2021.

Giao bị cáo T.Đ.C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 590 và 592 BLDS

Buộc bị cáo T.Đ.C phải bồi thường cho người bị hại T.Q.K số tiền 48.231.944 đồng. Bị cáo đã bồi thường 20.000.000 đồng, nay được khấu trừ vào phần nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện; phần còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 28.231.944 đồng.

Kể từ khi những người được thi hành án nói trên có đơn yêu cầu xin thi hành án, nếu bên phải thi hành không chịu trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo T.Đ.C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự và 1.411.597 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- Cơ quan CSĐT CA huyện A;
- Phòng hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS H.A;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

P. L. L